TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH TỈNH CÀ MAU	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2019/DS-ST
Ngày: 15-7-2019
V/v tranh chấp hợp đồng thuê xe mô tô và đòi lại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Quế
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trương Công Dịnh
2. Ông Nguyễn Văn Chính

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Bảo Trâm, là Thư ký Toà án nhân dân huyện Thới Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình *tham gia phiên tòa*: Ông Võ Hồng Quân-Kiểm sát viên

Trong ngày 15 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 02 năm 2019 về việc "tranh chấp hợp đồng thuê xe mô tô và đòi lại tài sản"

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2019/ QĐXXST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2019 và số 42/2019/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại-dịch vụ ĐT

Địa chỉ: Số 26, đường 3 tháng 2, khóm 5, phường 5, thành phố C, tỉnh Cà Mau

Người đại diện hợp pháp: Ông Vương Hiếu N, chức vụ: Giám đốc (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Lê Thị M, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã Tr, huyện Th, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại-dịch vụ ĐT(viết tắt là Công ty ĐT) trình bày:*

Ngày 18/4/2018, bà Lê Thị M có đến Công ty ĐT để bán chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, biển kiểm soát 69D1-269.99, số khung: 5805EY608352, số máy: JF58E0494116 với giá 17 triệu đồng. Sau đó, bà M yêu cầu được thuê lại chiếc xe để

đi lại phục vụ sinh hoạt hàng ngày. Đôi bên thỏa thuận giá thuê là 68.000 đồng/ngày, thời hạn thuê là 03 tháng (đến hết ngày 16/7/2018).

Đến ngày 19/4/2018, bà M tiếp tục bán cho Công ty ĐT 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH Mode, biển kiểm soát 69D1-336.47, số khung: 5140GY024814, số máy: JF51E0577859, màu sơn: Trắng nâu với giá 35 triệu đồng. Sau đó, bà M cũng yêu cầu được thuê lại chiếc xe và được Công ty ĐT chấp nhận cho thuê với giá 140.000 đồng/ngày, thời hạn thuê đến hết ngày 17/7/2018.

Qua hơn 02 tháng diễn ra hợp đồng, bà M đóng phí thuê xe rất tốt và tỏ ra là khách hàng có uy tín. Tuy nhiên, kể từ ngày 17/6/2018, bà M thường xuyên trễ phí thuê xe và ít chủ động liên hệ với Công ty để thông báo về tình trạng xe thuê. Nghiêm trọng hơn kể từ ngày 17/7/2018 là ngày kết thúc hợp đồng, bà M không đến công ty để ký lại hợp đồng thuê xe mới, cũng không liên hệ với nhân viên Công ty. Công ty cũng đã nhiều lần gửi thông báo bằng văn bản đến gia đình cũng như cá nhân bà M về việc yêu cầu được thu hồi phương tiện thuê nhưng không nhận được phản hồi.

Nay Công ty ĐT yêu cầu bà M: Thanh toán toàn bộ số tiền thuê xe của 02 hợp đồng từ ngày 17/7/2018 đến ngày 16/01/2019 là 37.440.000 đồng; trả lại cho Công ty 02 chiếc xe mô tô đã thuê hoặc bà M phải bồi thường cho Công ty đối với 02 chiếc xe mô tô theo giá trị tại thời điểm mua bán với tổng số tiền là 52.000.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Ông N trình bày thêm: Tiền thuê xe được tính từ ngày 18/7/2018 đến ngày 16/01/2019. Yêu cầu bà M phải hoàn trả cho Công ty giá trị còn lại của 02 chiếc xe mô tô sau khi tính khấu hao. Công ty ĐT đồng ý trả lại cho bà M bản gốc 02 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô của 02 chiếc xe mô tô nói trên.

- Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên:

+ Phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: thực hiện đúng các quy định của tố tụng dân sự;

+ Phát biểu về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bà M; đề nghị áp dụng các Điều 428, 430, 472, 481 và 482 của Bộ luật dân sự, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Công ty ĐT, buộc bà M thanh toán cho Công ty ĐT khoản tiền thuê xe còn nợ tính từ ngày 18/7/2018 đến ngày 16/01/2019. Ngoài ra, buộc bà M hoàn trả cho Công ty ĐT giá trị còn lại của 02 chiếc xe mô tô sau khi được trừ khấu hao; đề nghị áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326 của UBTVQH, bà M phải chịu án phí có giá ngạch 5%.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn là bà M được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ ba, nhưng tại phiên tòa mở lần 1 (vào ngày 13/5/2019) và lần thứ 3 (vào ngày

15/7/2019), bà M vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bà M.

[2] Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự là đúng, phù hợp với quy định của tố tụng dân sự.

[3] Tuy bà M không có văn bản trả lời, nhưng xét các chứng cứ do Công ty ĐT cung cấp, cho thấy, vào ngày 18 và 19/4/2018, bà M có bán cho Công ty ĐT 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, biển kiểm soát 69D1-269.99 và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH Mode, biển kiểm soát 69D1-336.47. Việc mua bán có lập hợp đồng được công chứng. Sau khi bán xe, Công ty ĐT cho bà M thuê lại 02 chiếc xe mô tô nói trên. Đôi bên có lập hợp đồng thuê xe. Do đó, thỏa thuận mua bán và cho thuê xe mô tô giữa bà M và Công ty ĐT là có thật và hợp pháp.

[4] Hết hạn hợp đồng thuê xe, bà M không trả xe thuê, nên Công ty ĐT yêu cầu bà M thanh toán tiền thuê xe trong thời gian chậm trả xe thuê được chấp nhận. Trên cơ sở ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, căn cứ khoản 4 Điều 482 của Bộ luật dân sự, buộc bà M thanh toán cho Công ty ĐT tiền thuê xe trong thời gian chậm trả được xác định từ ngày 18/7/2018 đến ngày 16/01/2019 là 38.064.000 đồng. Trong đó, tiền thuê xe mô tô biển số 69D1-269.99 là: 68.000 đồng x 183 ngày = 12.444.000 đồng; tiền thuê xe mô tô biển số 69D1-336.47 là: 140.000 đồng x 183 ngày = 25.620.000 đồng.

[5] Xét yêu cầu đòi lại xe mô tô của Công ty Đại Tín: Qua xác minh, không xác định được tình trạng hiện nay của 02 chiếc xe mô tô. Do đó, trên cơ sở ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Công ty ĐT yêu cầu bà M thanh toán bằng giá trị được chấp nhận. Giá trị của 02 chiếc xe mô tô mà Công ty ĐT cho bà M thuê được xác định sau khi trừ khấu hao của 02 chiếc xe (khấu hao xe được tính theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ trưởng Bộ tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định).

[6] Chiếc xe mô tô biển số 69D1-269.99 có hao mòn được xác định là: (17.000.000 đồng x 452 ngày sử dụng): 730 ngày (02 năm) = 10.526.000 đồng. Giá trị còn lại được xác định là: 17.000.000 đồng – 10.526.000 đồng = 6.474.000 đồng.

[7] Chiếc xe mô tô biển số 69D1-336.47 có hao mòn được xác định là: (35.000.000 đồng x 451 ngày sử dụng x 10%): 365 ngày = 4.324.700 đồng. Giá trị còn lại được xác định là: 35.000.000 đồng – 4.324.700 đồng = 30.675.300 đồng.

[8] Bà M phải có N vụ thanh toán cho Công ty ĐT tổng giá trị còn lại của hai chiếc xe mô tô được xác định ở mục [6] và mục [7] là 37.149.000 đồng (tính tròn số).

[9] Trường hợp chậm thanh toán các khoản tiền nói trên, thì hàng tháng, bà M còn phải chịu thêm phần lãi suất theo quy định.

[10] Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty ĐT về việc trả lại cho bà M bản gốc Chứng nhận đăng ký xe mô tô của 02 chiếc xe mô tô nói trên.

[11] Do yêu cầu của Công ty ĐT được chấp nhận toàn bộ, nên bị đơn là bà M phải chịu án phí có giá ngạch 5% tương ứng với nghĩa vụ thanh toán. Trả lại cho Công ty ĐT khoản tiền nộp tạm ứng án phí.

[12] Tại phiên tòa: Đại diện Công ty ĐT có mặt, nên thời hạn kháng cáo được tính từ ngày tuyên án; bà M vắng mặt, nên thời hạn kháng cáo tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 147, khoản 3 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 482 của Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vắng mặt bà Lê Thị M.

2. Buộc bà Lê Thị M có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu một thành viên thương mại-dịch vụ ĐT 75.213.000 (bảy mươi lăm triệu hai trăm mười ba ngàn) đồng, bao gồm:

- Tổng giá trị của 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, biển kiểm soát 69D1-269.99 và của 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH Mode, biển kiểm soát 69D1-336.47 là 37.149.000 (ba mươi bảy triệu một trăm bốn mươi chín ngàn) đồng.

- Tiền thuê 02 chiếc xe mô tô là 38.064.000 (ba mươi tám triệu không trăm sáu mươi bốn ngàn) đồng.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại-dịch vụ ĐT về việc trả lại cho bà M: Bản gốc Chứng nhận đăng ký xe mô tô số 010639 do Công an huyện Thới Bình cấp ngày 23/8/2016 đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Vision, biển số đăng ký 69D1-269.99 do bà Lê Thị M đứng tên chủ xe và bản gốc Chứng nhận đăng ký xe mô tô số 019638 do Công an huyện Thới Bình cấp ngày 10/11/2017 đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại SH Mode, biển số đăng ký 69D1-336.47 do bà Lê Thị M đứng tên chủ xe.

4. Kể từ ngày Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại-dịch vụ ĐT có đơn yêu cầu thi hành án. Trường hợp bà M không chịu thanh toán các khoản tiền nói trên cho Công ty, thì hàng tháng, bà M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

5. Bà M phải chịu 3.761.000 (ba triệu bảy trăm sáu mươi mốt ngàn, tính tròn số) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%.

6. Trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại-dịch vụ ĐTkhoản tiền nộp tạm ứng án phí 2.636.000 (hai triệu sáu trăm ba mươi sáu ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005943 ngày 14/02/2019 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình phát hành.

7. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại-dịch vụ ĐT được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà M được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKS nd huyện Thới Bình;
- Chi cục THA dân sự huyện Thới Bình;
- Phòng KTNV&THA TA nd tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Trọng Quế